



# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 36

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 3 (ba) chi nhánh đang hoạt động như sau:

- Chi nhánh Bình Dương tại Số 59 Thích Quảng Đức, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Đồng Nai tại Số F2/4, Quốc lộ 51, Khu Phố 1, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai; và
- Chi nhánh Đồng Tháp tại Số 35/20/8 Nguyễn Tất Thành, Khóm 2, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tạ Long Hỷ	Chủ tịch	
Ông Đặng Thành Duy	Thành viên	
Ông Trương Đình Quý	Thành viên	
Ông Trần Anh Minh	Thành viên	
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên	
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên	bổ nhiệm vào ngày 24 tháng 4 năm 2025
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	từ nhiệm vào ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên độc lập	
Ông Đặng Công Luận	Thành viên độc lập	
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên độc lập	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Thành Duy	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Thành Duy.

Bà Đặng Thị Lan Phương, Phó Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Đặng Thành Duy ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Thị Lan Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 11658649/68586019/HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future  
with confidence

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3040-2024-004-1

Phan Thị Hằng  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 5997-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>345.206.453.266</b>	<b>395.770.686.485</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>90.322.166.104</b>	<b>98.235.505.846</b>
111	1. Tiền		25.167.225.532	24.235.505.846
112	2. Các khoản tương đương tiền		65.154.940.572	74.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>133.461.505.081</b>	<b>171.972.557.034</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	133.461.505.081	171.972.557.034
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>97.349.688.632</b>	<b>96.681.229.817</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	85.447.456.383	83.343.586.013
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	2.154.342.071	1.107.851.232
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	12.831.903.470	14.379.112.576
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(3.084.013.292)	(2.149.320.004)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>9.357.140.856</b>	<b>9.093.861.880</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	9.357.140.856	9.093.861.880
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.715.952.593</b>	<b>19.787.531.908</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	14.552.984.676	14.784.916.974
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	114.825.920	4.964.133.606
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	48.141.997	38.481.328
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.428.434.370.727</b>	<b>1.459.432.991.380</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.847.504.491</b>	<b>3.092.060.000</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	558.000.000	1.294.600.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	2.289.504.491	1.797.460.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.380.014.625.038</b>	<b>1.411.442.731.169</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.215.575.285.101	1.214.102.115.364
222	Nguyên giá		1.646.630.142.363	1.746.013.596.522
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(431.054.857.262)	(531.911.481.158)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	164.317.415.218	197.069.357.746
225	Nguyên giá		262.015.545.356	262.015.545.356
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(97.698.130.138)	(64.946.187.610)
227	3. Tài sản cố định vô hình		121.924.719	271.258.059
228	Nguyên giá		2.414.221.000	2.414.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.292.296.281)	(2.142.962.941)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>10.000.000</b>
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	10.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>45.572.241.198</b>	<b>44.888.200.211</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	44.416.075.634	44.888.200.211
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.4	1.156.165.564	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.773.640.823.993</b>	<b>1.855.203.677.865</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>653.515.070.050</b>	<b>705.620.216.581</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>280.182.854.025</b>	<b>260.481.051.645</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	15.085.472.081	13.127.429.001
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		248.988.925	280.613.652
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	12.162.760.691	2.262.077.490
314	4. Phải trả người lao động		7.311.277.710	8.835.606.495
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.696.776.795	7.554.227.258
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	2.443.693.722	1.727.310.588
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	19.986.965.843	31.545.215.671
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	218.227.297.752	195.049.345.332
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.620.506	99.226.158
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>373.332.216.025</b>	<b>445.139.164.936</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	89.540.401.533	83.251.784.363
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	280.634.142.525	358.671.810.073
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	3.12	3.157.671.967	3.215.570.500
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.120.125.753.943</b>	<b>1.149.583.461.284</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.120.125.753.943</b>	<b>1.149.583.461.284</b>
411	1. Vốn cổ phần	20.1	678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển	20.1	-	268.688.372.802
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	353.942.884.660	114.746.128.024
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		315.575.308.826	31.317.751.266
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		38.367.575.834	83.428.376.758
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	661.686.173	627.777.348
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.773.640.823.993</b>	<b>1.855.203.677.865</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương  
Phó Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	882.662.701.999	1.002.138.179.707
11	2. Giá vốn về bán hàng và dịch vụ cung cấp	23, 27	(688.117.320.794)	(815.713.473.905)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		194.545.381.205	186.424.705.802
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	11.228.597.645	14.721.555.758
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(33.110.834.804) (33.083.535.643)	(25.640.282.231) (25.582.542.131)
25	6. Chi phí bán hàng	25, 27	(70.605.781.475)	(74.933.617.320)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 27	(79.790.113.593)	(82.879.118.094)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.267.248.978	17.693.243.915
31	9. Thu nhập khác	26	29.024.626.746	72.352.804.938
32	10. Chi phí khác	26	(2.582.709.220)	(4.376.526.215)
40	11. Lợi nhuận khác	26	26.441.917.526	67.976.278.723
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		48.709.166.504	85.669.522.638
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(10.711.847.409)	(1.597.561.473)
52	14. Thuế TNDN hoãn lại	28.1	1.156.165.564	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		39.153.484.659	84.071.961.165
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		39.119.575.834	84.052.376.758
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21	33.908.825	19.584.407
70	18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	30	565	1.229
71	19. Lợi nhuận suy giảm trên cổ phiếu	30	565	1.229

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

  
Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập

  
Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Lan Phương  
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>48.709.166.504</b>	<b>85.669.522.638</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	27	211.896.815.754	217.877.725.587
03	Dự phòng		1.822.021.281	439.336.686
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(19.084.490.870)	(52.389.281.206)
06	Chi phí lãi vay	24	33.083.535.643	25.582.542.131
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>276.427.048.312</b>	<b>277.179.845.836</b>
09	Giảm các khoản phải thu		4.595.687.188	8.943.710.921
10	Tăng hàng tồn kho		(263.278.976)	(380.323.550)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		1.009.259.255	(45.742.201.807)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		704.056.875	(3.682.873.272)
14	Tiền lãi vay đã trả		(33.314.065.933)	(25.585.282.079)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.354.631.607)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(79.605.652)	(70.000.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>239.724.469.462</b>	<b>210.662.876.049</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(297.148.864.645)	(742.663.427.911)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		122.239.975.395	219.134.212.932
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(157.130.375.441)	(390.599.249.368)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		195.651.427.394	500.000.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được		11.457.102.221	17.956.064.084
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(124.930.735.076)</b>	<b>(396.172.400.263)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	19.3	154.912.760.000	390.844.100.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	19.3	(167.445.697.836)	(84.384.109.019)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	19.3	(42.326.777.292)	(42.326.777.292)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(67.847.359.000)	(101.711.161.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(122.707.074.128)</b>	<b>162.422.052.689</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(7.913.339.742)	(23.087.471.525)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		98.235.505.846	121.322.977.371
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	90.322.166.104	98.235.505.846

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương  
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 3 (ba) chi nhánh đang hoạt động như sau:

- Chi nhánh Bình Dương tại Số 59 Thích Quảng Đức, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Đồng Nai tại Số F2/4, Quốc lộ 51, Khu Phố 1, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai; và
- Chi nhánh Đồng Tháp tại Số 35/20/8 Nguyễn Tất Thành, Khóm 2, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.407 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.549).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một công ty con, chi tiết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2025	
			Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam ("ADX")	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	99%	99%

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán phụ tùng ô tô với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu, liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

**3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.14 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

#### 3.15 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### ► Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

##### ► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

#### 3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Đối với phương thức hợp đồng hợp tác kinh doanh và nhượng quyền với tài xế không phải nhân viên Công ty, doanh thu của Công ty được xác định là tổng doanh thu từ cung cấp dịch vụ trừ đi doanh thu đã chia cho tài xế dựa trên tỷ lệ phần trăm doanh thu được thống nhất giữa hai bên.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.19 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng. Các hoạt động kinh doanh này của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu là từ dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

**3.20 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.107.879.013	4.752.588.673
Tiền gửi ngân hàng	21.059.346.519	19.482.917.173
Các khoản tương đương tiền (*)	65.154.940.572	74.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.322.166.104</b>	<b>98.235.505.846</b>

(\*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm (31 tháng 12 năm 2024: 3,7%/năm đến 4,5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất dao động từ 4,4% - 7,8%/năm (31 tháng 12 năm 2024: 4,2% - 6,3%/năm).

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>85.447.456.383</b>	<b>83.343.586.013</b>
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	70.134.320.599	67.685.377.312
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	9.795.779.495	7.819.609.495
Phải thu tiền khách vãng lai	2.682.367.034	2.633.430.246
Khác	2.834.989.255	5.205.168.960
<b>Dài hạn</b>	<b>558.000.000</b>	<b>1.294.600.000</b>
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	558.000.000	1.294.600.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.005.456.383</b>	<b>84.638.186.013</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.969.015.140)	(597.581.716)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>84.036.441.243</b>	<b>84.040.604.297</b>

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	597.581.716	553.742.424
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.979.740.016	75.871.689
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(387.462.970)	-
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(220.843.622)	(32.032.397)
Số cuối năm	1.969.015.140	597.581.716

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Toyota Long Thành	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	653.230.011	506.049.641
Khác	501.112.060	601.801.591
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.154.342.071</b>	<b>1.107.851.232</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. NỢ XẤU**

Đối tượng nợ	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư SUNRISE	504.932.204		640.272.056	640.272.056
Dương Hoàng Tâm	554.927.461	-	554.927.461	-
Công ty TNHH MTV Địa ốc An Phú An	452.668.081	-	457.668.081	457.668.081
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Nova	334.108.591	-	340.230.591	340.230.591
Khác	1.658.125.162	420.748.207	2.642.842.129	1.043.449.586
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.504.761.499</b>	<b>420.748.207</b>	<b>4.635.940.318</b>	<b>2.486.620.314</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.831.903.470</b>	<b>14.379.112.576</b>
Lãi tiền gửi	1.921.839.976	2.193.551.700
Tạm ứng cho nhân viên	1.721.190.031	2.693.842.826
Phải thu khác từ tài xế và nhân viên	1.697.505.556	1.378.243.077
Phải thu hộ liên quan đến bán vé máy bay	1.535.696.224	1.383.272.725
Ký quỹ, ký cược	1.128.776.000	1.774.608.875
Khác	4.826.895.683	4.955.593.373
<b>Dài hạn</b>	<b>2.289.504.491</b>	<b>1.797.460.000</b>
Ký quỹ, ký cược	2.289.504.491	1.797.460.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.121.407.961</b>	<b>16.176.572.576</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.114.998.152)	(1.551.738.288)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>14.006.409.809</b>	<b>14.624.834.288</b>

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.551.738.288	949.695.377
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	288.026.042	612.591.732
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(724.382.904)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(383.274)	(10.548.821)
Số cuối năm	1.114.998.152	1.551.738.288

**9. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho thể hiện giá trị phụ tùng chưa xuất dùng vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	10.137.783.357	1.731.785.206.086	4.090.607.079	1.746.013.596.522
Mua mới trong năm	-	296.049.154.645	-	296.049.154.645
Thanh lý	-	(395.432.608.804)	-	(395.432.608.804)
Số cuối năm	<u>10.137.783.357</u>	<u>1.632.401.751.927</u>	<u>4.090.607.079</u>	<u>1.646.630.142.363</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	8.088.146.993	60.844.187.981	4.090.607.079	73.022.942.053
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	9.020.771.693	518.800.102.386	4.090.607.079	531.911.481.158
Khấu hao trong năm	687.914.339	178.307.625.547	-	178.995.539.886
Thanh lý	-	(279.852.163.782)	-	(279.852.163.782)
Số cuối năm	<u>9.708.686.032</u>	<u>417.255.564.151</u>	<u>4.090.607.079</u>	<u>431.054.857.262</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>1.117.011.664</u>	<u>1.212.985.103.700</u>	<u>-</u>	<u>1.214.102.115.364</u>
Số cuối năm	<u>429.097.325</u>	<u>1.215.146.187.776</u>	<u>-</u>	<u>1.215.575.285.101</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19.1)</i>	-	1.026.762.290.623	-	1.026.762.290.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

		VND
		<i>Phương tiện vận tải</i>
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm và số cuối năm		<u>262.015.545.356</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>		
Số đầu năm		64.946.187.610
Khấu hao trong năm		<u>32.751.942.528</u>
Số cuối năm		<u>97.698.130.138</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		<u>197.069.357.746</u>
Số cuối năm		<u>164.317.415.218</u>

Nhóm Công ty thuê phương tiện vận tải hiện đang được sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Theo các hợp đồng thuê tài chính, Nhóm Công ty có thể mua lại phương tiện vận tải tại cuối thời hạn thuê. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 19.2.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

		VND	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		<b>14.552.984.676</b>	<b>14.784.916.974</b>
Bảo hiểm vật chất xe và bảo hiểm dân sự		11.527.591.453	10.632.466.770
Phí bảo trì đường bộ		1.501.356.997	2.541.002.997
Khác		1.524.036.226	1.611.447.207
<b>Dài hạn</b>		<b>44.416.075.634</b>	<b>44.888.200.211</b>
Tiền thuê văn phòng trả trước (*)		41.964.217.912	43.275.599.728
Công cụ, dụng cụ		2.286.059.846	1.399.310.360
Khác		<u>165.797.876</u>	<u>213.290.123</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>58.969.060.310</u></b>	<b><u>59.673.117.185</u></b>

(\*) Đây là số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê văn phòng tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam ký với Văn phòng Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 5 vào ngày 1 tháng 2 năm 2007 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 10 Nguyễn Thị Hiền	2.427.624.333	-
Khác	1.512.000.000	-
	11.145.847.748	13.127.429.001
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.085.472.081</b>	<b>13.127.429.001</b>

**14. THUẾ**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	4.964.133.606	-	(4.849.307.686)	114.825.920
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.558.259	-	-	37.558.259
Thuế thu nhập cá nhân	923.069	137.036.426	(127.375.757)	10.583.738
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.002.614.934</b>	<b>137.036.426</b>	<b>(4.976.683.443)</b>	<b>162.967.917</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	208.429.980	57.763.092.186	(49.415.738.607)	8.555.783.559
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.597.561.473	10.711.847.409	(9.354.631.607)	2.954.777.275
Thuế thu nhập cá nhân	456.086.037	3.768.872.169	(3.572.758.349)	652.199.857
Thuế khác	-	30.765.788	(30.765.788)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.262.077.490</b>	<b>72.274.577.552</b>	<b>(62.373.894.351)</b>	<b>12.162.760.691</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thưởng và phúc lợi của nhân viên	3.666.281.350	6.448.243.638
Khác	1.030.495.445	1.105.983.620
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.696.776.795</b>	<b>7.554.227.258</b>

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu nhận trước cho dịch vụ taxi	1.590.273.236	913.359.800
Cho thuê thiết bị và nhãn hiệu	853.420.486	139.889.888
Khác	-	674.060.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.443.693.722</b>	<b>1.727.310.588</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	9.225.152.478	21.377.231.665
Phải trả khác cho bên cho thuê (*)	4.464.000.000	3.712.000.000
Bảo hiểm vật chất xe	929.528.133	735.376.839
Chi phí lãi vay	757.443.710	987.974.000
Cổ tức phải trả	643.548.900	631.715.900
Khác	3.967.292.622	4.100.917.267
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.986.965.843</b>	<b>31.545.215.671</b>

(\*) Số dư này thể hiện nghĩa vụ hỗ trợ bồi thường thiệt hại kinh tế từ việc đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh của mặt bằng đi thuê trong suốt thời gian thuê theo hợp đồng giữa Nhóm Công ty và bên cho thuê

**18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ khách hàng	48.003.561.647	49.574.025.332
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	40.744.839.886	32.885.759.031
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	792.000.000	792.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>89.540.401.533</b>	<b>83.251.784.363</b>

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>218.227.297.752</b>	<b>195.049.345.332</b>
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	180.366.145.460	152.722.568.040
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	37.861.152.292	42.326.777.292
<b>Dài hạn</b>	<b>280.634.142.525</b>	<b>358.671.810.073</b>
Vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	275.143.073.211	315.319.588.467
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 19.2)	5.491.069.314	43.352.221.606
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>498.861.440.277</b>	<b>553.721.155.405</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**19.1 Vay dài hạn từ các ngân hàng**

Nhóm Công ty có các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại để mua phương tiện vận tải phục vụ cho việc kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi với chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 10)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam</b>				
Khoản vay số 1	338.499.085.357	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2026 đến ngày 1 tháng 10 năm 2029	Lãi suất cơ sở + biên độ từ 3,3%	1.227 xe
Khoản vay số 2	15.546.168.516	Từ ngày 31 tháng 8 năm 2026 đến ngày 20 tháng 12 năm 2029	Lãi suất cơ bản + biên độ lãi suất trong năm	70 xe
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam</b>				
Khoản vay số 1	58.146.518.000	Từ ngày 12 tháng 10 năm 2026 đến ngày 13 tháng 6 năm 2028	Lãi suất cơ sở + biên độ từ 3,5%	266 xe
<b>Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (*)</b>				
Khoản vay số 1	43.317.446.798	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2026 đến ngày 6 tháng 11 năm 2028	Lãi suất cơ sở + biên độ từ 1,5%	120 xe
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>455.509.218.671</b>			

Trong đó:

Vay dài hạn	
đến hạn trả	180.366.145.460
Vay dài hạn	275.143.073.211

(\*) Theo khoản ii, điểm a, Điều 7.2 của Hợp đồng tín dụng số VNM 299873CM giữa Nhóm Công ty và HSBC ngày 10 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty có nghĩa vụ duy trì một số chỉ tiêu tài chính trong suốt thời hạn vay, bao gồm yêu cầu về hệ số hoàn trả nợ vay không được thấp hơn mức quy định áp dụng cho tất cả các năm tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, hệ số hoàn trả nợ vay của Nhóm Công ty đã thấp hơn mức yêu cầu này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này Nhóm Công ty đã đánh giá đầy đủ ảnh hưởng của sự vi phạm này là tạm thời và sẽ được tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**19.2 Nợ thuê tài chính**

Nhóm Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>	
	Dưới 1 năm	39.675.421.313	1.814.269.021	37.861.152.292	47.331.650.194	5.004.872.902	42.326.777.292
Từ 1 - 5 năm	5.556.651.461	65.582.147	5.491.069.314	45.218.968.528	1.866.746.922	43.352.221.606	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.232.072.774</b>	<b>1.879.851.168</b>	<b>43.352.221.606</b>	<b>92.550.618.722</b>	<b>6.871.619.824</b>	<b>85.678.998.898</b>	

**19.3 Tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính**

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

				VND
	Số đầu năm	Vay trong năm	Đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	468.042.156.507	154.912.760.000	(167.445.697.836)	455.509.218.671
Nợ thuê tài chính	85.678.998.898	-	(42.326.777.292)	43.352.221.606
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>553.721.155.405</b>	<b>154.912.760.000</b>	<b>(209.772.475.128)</b>	<b>498.861.440.277</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

					VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	133.106.539.266	1.167.316.095.178
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	84.052.376.758	84.052.376.758
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(101.788.788.000)	(101.788.788.000)
Giảm khác	-	-	-	(624.000.000)	(624.000.000)
Số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>86.929.263.110</u>	<u>268.688.372.802</u>	<u>114.746.128.024</u>	<u>1.148.955.683.936</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	114.746.128.024	1.148.955.683.936
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	39.119.575.834	39.119.575.834
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(67.859.192.000)	(67.859.192.000)
Kết chuyển quỹ đầu tư phát triển	-	-	(268.688.372.802)	268.688.372.802	-
Giảm khác	-	-	-	(752.000.000)	(752.000.000)
Số cuối năm	<u>678.591.920.000</u>	<u>86.929.263.110</u>	<u>-</u>	<u>353.942.884.660</u>	<u>1.119.464.067.770</u>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24 tháng 4 năm 2025, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc (i) chuyển quỹ đầu tư phát triển với giá trị là 268.688.372.802 VND vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và (ii) chi cổ tức năm 2024 bằng tiền tại mức 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông với tổng giá trị là 67.859.192.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>	<b>678.591.920.000</b>	<b>678.591.920.000</b>
Số đầu năm và số cuối năm	678.591.920.000	678.591.920.000
<b>Cổ tức</b>	<b>67.859.192.000</b>	<b>101.788.788.000</b>
Cổ tức đã công bố	67.859.192.000	101.788.788.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	67.847.359.000	101.711.161.000

**20.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn điều lệ đã góp	400.000.000	400.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	261.686.173	227.777.348
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>661.686.173</b>	<b>627.777.348</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	627.777.348	608.192.941
Lợi nhuận thuần trong năm	33.908.825	19.584.407
Số cuối năm	<u>661.686.173</u>	<u>627.777.348</u>

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	862.849.017.894	983.644.559.082
Khác	19.813.684.105	18.493.620.625
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>882.662.701.999</u></b>	<b><u>1.002.138.179.707</u></b>

(\*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi thông qua nhân viên của Nhóm Công ty, nhượng quyền và hợp tác kinh doanh với các tài xế.

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	11.185.390.497	14.640.444.665
Khác	43.207.148	81.111.093
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.228.597.645</u></b>	<b><u>14.721.555.758</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	670.400.583.657	799.066.577.633
Khác	17.716.737.137	16.646.896.272
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>688.117.320.794</u></b>	<b><u>815.713.473.905</u></b>

(\*) Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm giá vốn từ các phương thức: cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi thông qua nhân viên của Nhóm Công ty, nhượng quyền và hợp tác kinh doanh với các tài xế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	33.083.535.643	25.582.542.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá	27.299.161	57.740.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>33.110.834.804</u></b>	<b><u>25.640.282.231</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>70.605.781.475</b>	<b>74.933.617.320</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.400.274.947	39.640.314.528
Chi phí nhân viên	27.273.877.633	33.023.211.659
Khác	1.931.628.895	2.270.091.133
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>79.790.113.593</b>	<b>82.879.118.094</b>
Chi phí nhân viên	35.666.932.363	40.178.657.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.854.224.957	31.841.510.635
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.564.642.436	2.527.697.989
Khác	7.704.313.837	8.331.252.124
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>150.395.895.068</u></b>	<b><u>157.812.735.414</u></b>

**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>29.024.626.746</b>	<b>72.352.804.938</b>
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	15.614.207.519	22.857.904.200
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	7.899.100.373	37.748.837.744
Khác	5.511.318.854	11.746.062.994
<b>Chi phí khác</b>	<b>(2.582.709.220)</b>	<b>(4.376.526.215)</b>
Chi phí quảng cáo trên taxi	(1.557.660.001)	(2.491.940.000)
Khác	(1.025.049.219)	(1.884.586.215)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>26.441.917.526</u></b>	<b><u>67.976.278.723</u></b>

**27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phụ tùng và nhiên liệu	261.949.842.969	365.983.863.140
Chi phí nhân viên	230.618.016.593	259.508.194.538
Chi phí khấu hao và hao mòn	211.896.815.754	217.877.725.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.650.774.868	98.481.492.387
Khác	28.397.765.678	31.674.933.667
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>838.513.215.862</u></b>	<b><u>973.526.209.319</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.711.847.409	1.597.561.473
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.156.165.564)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.555.681.845</b>	<b>1.597.561.473</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>48.709.166.504</b>	<b>85.669.522.638</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	9.741.833.301	17.133.904.528
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.430.633.927	1.248.254.728
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho khoản chênh lệch tạm thời	(862.465.100)	(105.038.103)
Sử dụng lỗ năm trước chuyển sang	(754.320.283)	(16.679.559.680)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>9.555.681.845</b>	<b>1.597.561.473</b>

### 28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**28.3 Lỗi chuyển sang các năm sau**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm 5 (năm) liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính với tổng giá trị là 37.770.945.935 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 46.336.542.959 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
2020	2025	29.726.473.505	(24.932.477.893)	(4.793.995.612)	-
2021	2026	37.770.945.935	-	-	37.770.945.935
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>67.497.419.440</b>	<b>(24.932.477.893)</b>	<b>(4.793.995.612)</b>	<b>37.770.945.935</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 37.770.945.935 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 46.336.542.959 VND) do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**28.4 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	631.534.393	-	631.534.393	-
Chi phí trích trước	524.631.171	-	524.631.171	-
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>1.156.165.564</b>	<b>-</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>1.156.165.564</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Chị Ngô Thị Thúy Vân	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Tư vấn Kim Ngưu	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần VBP	Cổ đông lớn
Xưởng sửa xe Thành Lợi	Công ty liên quan đến Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Tạ Long Hỷ	Chủ tịch Hội đồng quản trị ("HĐQT")
Ông Đặng Thành Duy	Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên HĐQT
Ông Lê Hải Đoàn	Cổ đông lớn/ Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 4 năm 2025)
Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Ban kiểm soát
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT (đến ngày 24 tháng 4 năm 2025)
Ông Đặng Hoàng Sang	Kế toán trưởng

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Đặng Phước Thành	Cổ tức	16.907.888.000	25.361.832.000
Công ty TNHH Tư vấn Kim Ngưu	Cổ tức	8.600.090.000	12.900.135.000
Chị Ngô Thị Thúy Vân	Cổ tức	6.680.590.000	12.120.885.000
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	Cổ tức	5.370.300.000	8.055.450.000
Công ty Cổ phần VBP	Cổ tức	5.269.381.000	-
Ông Lê Hải Đoàn	Cổ tức	4.255.600.000	138.600.000
Ông Đặng Thành Duy	Cổ tức	3.390.020.000	5.085.030.000
Xưởng sửa chữa ô tô Thành Lợi	Mua dịch vụ	1.608.584.900	-
	Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác	756.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	3.240.741	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	VND
			Năm trước
Ông Đặng Thành Duy	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	882.580.000	930.302.000
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	798.920.000	842.590.000
Ông Tạ Long Hỷ	Chủ tịch	573.040.000	603.280.000
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc	537.040.000	567.280.000
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	520.280.000	548.360.000
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	503.480.000	531.560.000
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc	422.803.000	453.560.000
Bà Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc	390.680.000	418.760.000
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc	390.087.500	418.760.000
Ông Đặng Hoàng Sang	Kế toán trưởng	363.920.000	385.040.000
Ông Đặng Phước Thành	Thành viên HĐQT	25.200.000	216.960.000
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Lê Hải Đoán	Thành viên HĐQT	64.000.000	-
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT	32.000.000	96.000.000
Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Phượng	Ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
		<b>6.044.030.500</b>	<b>6.552.452.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.119.575.834	84.052.376.758
Điều chỉnh giảm khác	<u>(752.000.000)</u>	<u>(624.000.000)</u>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>38.367.575.834</b>	<b>83.428.376.758</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>67.859.192</u>	<u>67.859.192</u>
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
<i>Lãi cơ bản và suy giảm</i>	565	1.229

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này

**31. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	3.425.458.864	1.305.424.520
Từ 1 đến 5 năm	<u>8.300.175.300</u>	<u>1.189.666.664</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.725.634.164</u></b>	<b><u>2.495.091.184</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê tòa nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	2.880.000.000	2.880.000.000
Từ 1 đến 5 năm	14.400.000.000	14.400.000.000
Trên 5 năm	<u>-</u>	<u>2.880.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.280.000.000</u></b>	<b><u>20.160.000.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CẦN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**32.1 Nợ khó đòi đã xử lý**

Nợ khó đòi đã xử lý (*)	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ lái xe nghỉ việc	2.970.378.012	2.245.995.108
Phải thu từ các khách hàng	1.406.115.372	1.185.271.750
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.376.493.384</b>	<b>3.431.266.858</b>

(\*) Nhóm Công ty đã xóa sổ các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm và được lập dự phòng 100% trong năm nay và các năm trước.

**32.2 Ngoại tệ các loại**

Ngoại tệ (USD)	Số cuối năm		Số đầu năm	
		19.639	19.639	

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương  
Phó Tổng Giám đốc

## EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn)